

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
**QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN
RỪNG VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **154** /VNFF-BĐH
V/v báo cáo sơ kết 6 tháng năm 2016.

Hà Nội, ngày **07** tháng 6 năm 2016

Kính gửi: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng các tỉnh, thành phố

Thực hiện kế hoạch công tác năm 2016 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng gắn với chi trả dịch vụ môi trường rừng, tháng 6/2016 là thời điểm chuẩn bị cho sơ kết quá trình thực hiện nhiệm vụ công tác 6 tháng đầu năm 2016 và phiên họp Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam (Quỹ Trung ương).

Trên cơ sở đó, Quỹ Trung ương đề nghị Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng các tỉnh, thành phố xây dựng báo cáo sơ kết thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2016 về thực hiện nhiệm vụ triển khai vận hành Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng gắn với chi trả dịch vụ môi trường rừng.

(chi tiết theo đề cương và biểu tổng hợp đính kèm).

Báo cáo sơ kết đề nghị gửi về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam, nhà A5, Số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội trước ngày 20/6/2016. Bằng file mềm đề nghị gửi về địa chỉ: buinguyenphuky@gmail.com; vanvnff@yahoo.com.

Quỹ trung ương đề nghị Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng các tỉnh tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (b/c);
- Lưu: VT, BĐH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Hồng Lượng

Phụ lục 01

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

(Kèm theo Công văn số: 154/VNFF-BĐH ngày 07/6/2016
của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam)

PHẦN I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM

1. Chỉ đạo vận hành Quỹ BV&PTR (Thuận lợi, khó khăn và đánh giá chung)
2. Kết quả huy động các nguồn thu (từ DVMTR, trồng rừng thay thế...)
3. Kết quả giải ngân góp phần thực hiện nhiệm vụ
 - Năm 2015;
 - Năm 2016;
4. Kết quả công tác theo dõi, giám sát
5. Tác động đến công tác bảo vệ và phát triển rừng
6. Cải thiện sinh kế của người làm nghề rừng

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC CẦN THÁO GỖ

1. Tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện
2. Hạn chế của các quy định, hướng dẫn thực hiện chính sách
3. Khó khăn, vướng mắc cần tháo gỡ

PHẦN II. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. ĐỀ XUẤT

1. Đối với UBND tỉnh, thành phố
2. Đối với Bộ NN&PTNT
3. Đối với các Bộ, ngành khác

II. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Thủ tướng Chính phủ
2. Đối với Chính phủ

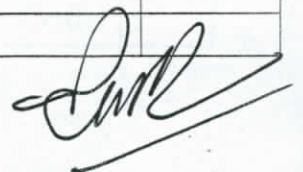


Phụ lục 02

BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU KÈM THEO BÁO CÁO

(Kèm theo công văn số: 154/VNFF-BĐH ngày 07/06/2016
của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả	Ghi chú
I	Tổ chức thực hiện			
1	Tổng số hợp đồng uỷ thác chi trả DVMTR:	Hợp đồng		
1.1	Số lượng hợp đồng phải ký	Hợp đồng		
	Trong đó ký với:			
	- Thủy điện	Hợp đồng		
	- Nước sạch	Hợp đồng		
	- Du lịch	Hợp đồng		
1.2	Số lượng hợp đồng đã ký lũy kế đến 6/2016	Hợp đồng		
	Trong đó ký với:			
	- Thủy điện	Hợp đồng		
	- Nước sạch	Hợp đồng		
	- Du lịch	Hợp đồng		
1.3	Số lượng hợp đồng chưa ký lũy kế đến 6/2016	Hợp đồng		
	Trong đó ký với:			
	- Thủy điện	Hợp đồng		
	- Nước sạch	Hợp đồng		
	- Du lịch	Hợp đồng		
2	Tuyên truyền và đào tạo nâng cao năng lực 6 tháng đầu năm 2016			
2.1	Báo viết, Báo điện tử	Bài		
2.2	Truyền thanh	Lần		
2.3	Truyền hình	Lần		
2.4	Biển báo, Poster, áp phích	Chiếc		
2.5	Bản tin, Sổ tay tuyên truyền	Cuốn		
2.6	Hội nghị, hội thảo	Cuộc		
2.6.1	Số người tham gia hội nghị, hội thảo	Người		
2.7	Đào tạo, tập huấn	Cuộc		
2.7.1	Số lượng người tham dự	Người		
II	KẾT QUẢ			
1	Kết quả thu 6 tháng đầu năm 2016	1.000 đ		
1.1	DVMTR			



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả	Ghi chú
1.1.1	<i>Phân theo cấp thu:</i>			
	- Quỹ trung ương điều phối	1.000 đ		
	- Quỹ tỉnh tự thu thu	1.000 đ		
1.1.2	<i>Phân theo đối tượng thu:</i>			
	- Thủy điện	1.000 đ		
	- Nước sạch	1.000 đ		
	- Du lịch	1.000 đ		
1.2	Trồng rừng thay thế	1.000 đ		
	<i>Trong đó:</i>			
	- Số đã thu lũy kế đến 6/2016	1.000 đ		
	- Số đã thu năm 2016	1.000 đ		
	- Số còn phải thu	1.000 đ		
	- Tổng diện tích trên số tiền đã thu	Ha		
	- Đơn giá trồng (trường hợp nhiều đơn giá đề nghị thống kê từng dự án)	1.000/ha		
2	Kết quả chi tiền DVMTR <u>năm 2015</u> đến 6/2016			
2.1	Chi cho chủ rừng:			
	chủ rừng là BQL rừng Phòng hộ, Đặc dụng	1.000 đ		
	Chủ rừng là Công ty Lâm nghiệp	1.000 đ		
	Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng	1.000 đ		
	UBND Xã	1.000 đ		
	Chủ rừng khác	1.000 đ		
	Tỷ lệ chi chung cho chủ rừng (kết quả chi/ 90% tổng thu DVMTR của tỉnh)	%		
2.2	Tổng diện tích rừng hưởng chi trả DVMTR	Ha		
2.2.1	<i>Trong đó:</i>			
	- Rừng tự nhiên	Ha		
	- Rừng trồng	Ha		
2.2.2	<i>Trong đó:</i>			
	chủ rừng là BQL rừng Phòng hộ, Đặc dụng	Ha		
	Chủ rừng là Công ty Lâm nghiệp	Ha		
	Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng	Ha		
	UBND Xã	Ha		



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả	Ghi chú
	Chủ rừng khác	Ha		
2.3	Tổng số chủ rừng	Chủ rừng		
	<i>Trong đó:</i>			
	chủ rừng là BQL rừng Phòng hộ, Đặc dụng	Chủ rừng		
	Chủ rừng là Công ty Lâm nghiệp	Chủ rừng		
	Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng	Chủ rừng		
	UBND Xã	Chủ rừng		
	Chủ rừng khác	Chủ rừng		
2.4	Chi trồng rừng thay thế			
2.4.1	Diện tích đã trồng	Ha		
	Tỷ lệ	%		
2.4.2	Tổng số tiền đã giải ngân	1.000 đ		
	Tỷ lệ	%		
2.5	Tạm ứng năm 2016	1.000 đ		
3	Tổ chức quản lý bảo vệ			
	<i>Trong đó:</i>			
	Khoản quản lý bảo vệ	Ha		
	Số lượng hợp đồng khoán	Hợp đồng		
	Chủ rừng tự quản lý bảo vệ	Ha		
4	Đơn giá chi trả bình quân 2015	đ/ha/năm		
5	Thu nhập bình quân từng hộ 2015	đ/hộ/năm		

Ghi chú: - Chủ rừng khác là: Doanh nghiệp, đơn vị công an, quân đội, đơn vị nghiên cứu...

